

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Thực hiện Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

Dân số là mẫu số của mọi bài toán phát triển kinh tế-xã hội, việc lồng ghép yếu tố dân số vào lập kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội là yêu cầu thiết yếu. Do vậy cung cấp thông tin số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội là nhiệm vụ được đề ra trong Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

Trong thời gian qua, Hệ thống thông tin chuyên ngành dân số của tỉnh đã triển khai thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, được kết nối liên thông, đồng bộ dữ liệu. Hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số đến năm 2020 đã lưu trữ thông tin cơ bản của 291.965 hộ gia đình, với 1.198.153 nhân khẩu. Thông qua phần mềm hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành dân số đã cung cấp thông tin, chia sẻ số liệu thống kê chuyên ngành cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, góp phần thiết thực cho việc quản lý điều hành và phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, chất lượng thông tin chuyên ngành dân số hiện nay chưa đáp ứng thật đầy đủ tình hình và dự báo dân số phục vụ nghiên cứu, hoạch định chính sách, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội và nhu cầu ngày càng cao của các đối tượng sử dụng thông tin số liệu dân số. Do đó việc triển khai Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh là nhiệm vụ cần thiết, nhằm hình thành hệ thống lưu trữ, kết nối thông tin số liệu dân số, cung cấp đầy đủ thông tin, số liệu dân số đáp ứng nhu cầu sử dụng của mọi cơ quan, tổ chức, phục vụ việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG

1. Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

- Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030;

- Kế hoạch số 67-KH/TU ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tỉnh ủy Tây Ninh về việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Kế hoạch số 1241/KH-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Kế hoạch số 67-KH/TU ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tỉnh ủy Tây Ninh về công tác dân số trong tình hình mới;

- Quyết định số 3297/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh Tây Ninh thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Cơ sở thực tiễn

Hệ thống thông tin chuyên ngành dân số của tỉnh đã được tin học hoá bằng phần mềm hệ thống tin quản lý chuyên ngành dân số (MIS) được kết nối liên thông, đồng bộ dữ liệu từ tỉnh đến cấp xã. Hệ thống được chuẩn hóa quy trình từ: (1) Thu thập, cập nhật và lưu trữ thông tin số liệu (2) Xử lý, lập báo cáo thống kê định kỳ (3) Cung cấp số liệu cho cơ quan thống kê, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan liên quan.

Khai thác và sử dụng phần mềm hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành dân số được thực hiện theo quy định của Tổng cục Dân số-KHHGĐ. Sổ ghi chép ban đầu, phiếu thu tin và báo cáo thống kê của cộng tác viên dân số là cơ sở ban đầu của hệ thống, áp dụng chính xác các khái niệm, phương pháp luận thống kê của Tổng cục Thống kê. Các thông tin cơ bản của từng người dân trong từng hộ gia đình được cộng tác viên thu thập ghi vào phiếu thu tin và cập nhật vào sổ A0, đồng thời, làm báo cáo thống kê tháng, quý, năm gửi viên chức chuyên trách dân số xã, phường, thị

trần kiểm tra, rà soát thông tin và tiến hành nhập tin vào kho dữ liệu điện tử cấp xã. Cấp huyện thẩm định, hỗ trợ cấp xã nhập chuẩn xác thông tin vào kho dữ liệu điện tử. Cấp tỉnh thẩm định lại dữ liệu và kết xuất dữ liệu gửi Trung ương hàng tháng. Toàn tỉnh trung bình mỗi tháng cập nhật từ 7.000-9.000 thông tin biến động dân số. Đến năm 2020 kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số đã lưu trữ thông tin cơ bản của 291.965 hộ gia đình, với 1.198.153 nhân khẩu.

Thông qua phần mềm hệ thống tin quản lý chuyên ngành dân số đã cung cấp thông tin, số liệu thống kê chuyên ngành cho các cơ quan, đơn vị phục vụ quản lý điều hành như: Cung cấp thông tin, số liệu thống kê chuyên ngành kịp thời điều chỉnh các vấn đề dân số mới phát sinh, lập danh sách trẻ em đi học, danh sách tuyển nghĩa vụ quân sự; hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng cơ sở dữ liệu này để in thẻ khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi, lập danh sách cử tri; danh sách thanh niên trong độ tuổi nhập ngũ; cung cấp thông tin, số liệu dân số trong ngành y tế (chia sẻ dữ liệu cho Chương trình tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, xây dựng hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, Chương trình phòng chống Lao, phục vụ dự báo và đánh giá nguy cơ dịch bệnh...)

Bên cạnh những kết quả đạt được, hệ thống thông tin chuyên ngành dân số vẫn còn nhiều hạn chế như:

- Việc thu thập, cập nhật thông tin tại một số địa bàn chưa kịp thời, chất lượng chưa cao do cộng tác viên thường thay đổi, ảnh hưởng rất lớn đến công tác thu thập thông tin.

- Lượng thông tin biến động lớn, viên chức dân số kiêm nhiều việc nên giám sát địa bàn chưa thường xuyên và cập nhật thông tin vào kho dữ liệu chưa kịp thời ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo thống kê.

- Trình độ tin học ứng dụng của viên chức dân số một số đơn vị chưa cao, nên chưa có tính chủ động trong việc khắc phục phần mềm khi có sự cố xảy ra.

- Trang thiết bị tin học như máy tính, máy in phục vụ cho kho dữ liệu điện tử trang cấp đã lâu (trên 5 năm, thậm chí 10 năm) nên đã xuống cấp, hỏng hóc tại một số đơn vị.

Vì vậy, chất lượng thông tin chưa đáp ứng thật đầy đủ tình hình và dự báo dân số phục vụ nghiên cứu, hoạch định chính sách, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh và nhu cầu ngày càng cao của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển hệ thống thông tin số liệu dân số theo hướng hiện đại và đồng bộ bảo đảm cung cấp đầy đủ tình hình, dự báo dân số tin cậy phục vụ quản lý nhà nước về dân số góp phần xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương

trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội của mọi cơ quan, tổ chức, nhằm thực hiện thành công Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

- Thông tin số liệu trực tuyến về dân số được cập nhật, số hóa ở cấp xã đạt 90% năm 2025, đạt 100% năm 2030; cộng tác viên dân số thực hiện cập nhật thông tin số liệu trực tuyến bằng thiết bị di động thông minh đạt 90% năm 2030;

- 100% kho dữ liệu chuyên ngành dân số các cấp được hiện đại hóa, hình thành hệ thống lưu trữ, kết nối thông tin số liệu dân số và phát triển vào năm 2025, tiếp tục duy trì và mở rộng sau năm 2025;

- 100% cấp huyện xử lý, khai thác trực tuyến trên môi trường mạng các chỉ tiêu dân số và phát triển phục vụ chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước về dân số vào năm 2025; đến cấp xã đạt 100% năm 2030;

- 80% ngành, lĩnh vực, địa phương sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội vào năm 2025; đạt 100% năm 2030;

- Thực hiện các ứng dụng trên thiết bị di động thông minh đáp ứng nhu cầu sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số của các cơ quan, tổ chức trong xã hội đạt ít nhất 5 ứng dụng năm 2025; ít nhất 10 ứng dụng năm 2030.

IV. THỜI GIAN, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 đến năm 2030, chia 2 giai đoạn

- Giai đoạn từ năm 2021-2025: Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện đồng bộ các hoạt động của chương trình.

- Giai đoạn 2026-2030: Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2021-2025, triển khai các hoạt động phù hợp trong giai đoạn 2026-2030.

2. Phạm vi: Triển khai trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Đối tượng

- Đối tượng tác động: Lãnh đạo chính quyền, ban ngành, đoàn thể; cơ quan y tế, dân số; tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Đối tượng thụ hưởng: Các cơ quan quản lý có liên quan.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến thông tin số liệu dân số và phát triển

- Đổi mới phương thức cung cấp thông tin số liệu dân số và phát triển theo các hình thức khác nhau. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, các kênh thông tin truyền thông hiện đại, trực tuyến đến cơ quan, tổ chức và mọi người dân. Quán triệt sâu sắc hơn nữa vai trò của thông tin số liệu dân số và phát triển trong công tác chỉ đạo, điều hành để đạt các mục tiêu về dân

số; lồng ghép yếu tố dân số trong xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội.

- Ban hành kế hoạch để bảo đảm nguồn lực; phân công cụ thể từng địa phương, cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện Chương trình.

- Đa dạng hóa, nâng cao chất lượng thông tin số liệu dân số, xây dựng báo cáo chuyên sâu, dự báo động thái, vấn đề dân số mới nảy sinh. Cung cấp, chia sẻ thông tin dữ liệu chuyên ngành dân số thuận tiện, liên tục và theo thời gian.

2. Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy định chuyên môn, kỹ thuật

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế phối hợp, chia sẻ, khai thác thông tin số liệu dân số và phát triển của các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan; chính sách hỗ trợ việc thu thập, cập nhật thông tin số liệu đầu vào, quản trị và vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

- Thực hiện các quy định về kỹ thuật, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số; giám sát, đánh giá, thẩm định chất lượng thông tin số liệu.

3. Nâng cao chất lượng thông tin số liệu, hiện đại hóa kho dữ liệu chuyên ngành dân số

- Đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng thu thập thông tin số liệu đầu vào của mạng lưới dân số các cấp, cộng tác viên dân số; rà soát, thẩm định thông tin số liệu; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả ba hình thức thu thập thông tin: Báo cáo định kỳ, điều tra thống kê, hồ sơ đăng ký hành chính trên cơ sở nhu cầu thông tin số liệu phục vụ quản lý điều hành.

- Nâng cấp hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số các cấp:

+ Triển khai thực hiện các giải pháp để số hóa, cập nhật thông tin số liệu trực tuyến tại cấp xã; lưu trữ, quản lý dữ liệu tập trung tại kho dữ liệu chuyên ngành dân số cấp tỉnh;

+ Nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị của kho dữ liệu chuyên ngành dân số các cấp trên cơ sở kế thừa tối đa hạ tầng công nghệ thông tin sẵn có.

+ Ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ mới, phát triển các ứng dụng khai thác dữ liệu, dự báo dân số phục vụ yêu cầu quản lý, phân tích, chia sẻ, công bố thông tin số liệu dân số;

+ Triển khai các giải pháp kết nối chia sẻ với cơ sở dữ liệu của các sở, ban, ngành liên quan; hình thành công dữ liệu dân số; quản lý và giám sát an toàn thông tin; bảo mật các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật;

+ Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin của các hệ thống thông tin trong phạm vi Chương trình.

- Tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát về dân số và phát triển; nhân khẩu học và sức khỏe. Thí điểm mô hình nâng cao chất lượng thu thập, cập nhật thông tin; xử lý các vấn đề liên quan đến động thái dân số.

4. Nâng cao năng lực cán bộ, cộng tác viên tham gia Chương trình

Đào tạo, tập huấn cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số về kiến thức và kỹ năng thu thập thông tin; xử lý, khai thác, lưu trữ thông tin số liệu dân số; quản trị, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

5. Nguồn lực thực hiện Chương trình

Đa dạng hóa nguồn kinh phí thực hiện Chương trình, lồng ghép với các kế hoạch, chương trình, đề án, nhiệm vụ liên quan. Bố trí chương trình, dự án về hệ thống thông tin chuyên ngành dân số vào chương trình, dự án đầu tư công. Vận động các nguồn kinh phí hợp pháp từ tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, ưu tiên phát triển các báo cáo phân tích; ứng dụng khai thác dữ liệu; các giải pháp nâng cao chất lượng thông tin số liệu.

Huy động toàn bộ mạng lưới y tế, dân số, cộng tác viên dân số tham gia thực hiện Chương trình theo chức năng nhiệm vụ được giao.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ, được bố trí trong dự toán chi đầu tư, chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình và dự án khác.

Trong đó

- Ngân sách trung ương được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình ở Trung ương thực hiện các nhiệm vụ: Báo cáo chuyên sâu, dự báo dân số; đào tạo giảng viên, chuyên gia; đầu tư nâng cấp hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số, các can thiệp, mô hình thí điểm.

- Ngân sách địa phương: Dự kiến 14.000.000.000 đồng, thực hiện các nhiệm vụ: Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị kho dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh dữ liệu và vận hành hệ thống kho dữ liệu; Duy trì, cập nhật thông tin số liệu; Đào tạo, tập huấn (*phụ lục kèm theo*).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai Kế hoạch này trên phạm vi toàn tỉnh, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các chương trình, kế hoạch liên quan do các sở, ngành chủ trì thực hiện.

- Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch và định kỳ báo cáo Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức sơ kết vào năm 2025 và tổng kết kết quả thực hiện vào năm 2030.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế tổng hợp các dự án đầu tư công về nâng cấp hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số của Sở Y tế trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị có liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác liên quan, hướng dẫn sử dụng kinh phí theo quy định.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp Cục Thống kê tỉnh, Sở Y tế hướng dẫn các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên môn về chia sẻ, kết nối kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số với cơ sở dữ liệu của các ngành liên quan.

5. Cục Thống kê tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế trong việc thực hiện trao đổi, chia sẻ thông tin số liệu đảm bảo tính thống nhất, kịp thời, chính xác và đầy đủ trong việc thu thập, tổng hợp, sử dụng thông tin số liệu.

6. Công an tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội và Bảo hiểm Xã hội tỉnh: Phối hợp với Sở Y tế chia sẻ, kết nối với kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số.

7. Các sở, ban, ngành liên quan khác: Tham gia thực hiện Kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ đã được giao.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phù hợp tình hình của địa phương, phân công rõ trách nhiệm của từng ngành trong việc triển khai thực hiện Chương trình; lồng ghép với các chương trình, đề án, dự án liên quan trên địa bàn.

- Chủ động cân đối, phân bổ các nguồn lực thực hiện có hiệu quả các hoạt động phù hợp điều kiện đặc thù của địa phương trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Y tế theo quy định. Tổ chức sơ kết vào năm 2025 và tổng kết quả thực hiện vào năm 2030.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh đoàn và các tổ chức thành viên khác của Mặt trận, các đoàn thể, các tổ chức xã hội, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Kế hoạch này để tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận: *lg*

- Bộ Y tế;
- Tổng cục DS-KHHGD;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP;
- KGVX;
- Lưu: VT.VP UBND tỉnh.

Sang. *w*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KS CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hùng
Nguyễn Mạnh Hùng

